

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/DS-PT

Ngày: 07/9/2018

V/v “Tranh chấp hợp

đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Dung

- *Các Thẩm phán:*

Ông Trần Hoài Sơn

Bà Thái Thị Phi Yến

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa phúc thẩm, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2018/QĐ-PT ngày 02/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 22/8/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H - sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Bé V - sinh năm 1976.

Cùng trú tại: Số A đường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông H có mặt, bà V vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn T - sinh năm: 1966.

Trú tại: Kb đường S, quận C, thành phố Đà Nẵng. Ông T có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ngày 23/4/2016 ông Đoàn Văn T bán cho ông Nguyễn Văn H một xe máy mang biển số 43C1- 4265 với số tiền 20.000.000 đồng. Ông T đã nhận đủ tiền và hẹn 30 ngày sau sẽ giao xe và giấy tờ xe cho ông H để làm thủ tục sang tên cho bà Nguyễn Thị Bé V. Khi mua bán xe, ông H là người trực tiếp giao tiền cho ông T. Hai bên có lập tờ giấy thỏa thuận trong đó bên mua tài sản là bà Nguyễn Thị Bé V và bên bán tài sản là ông Đoàn Văn T. Tuy nhiên bà Bé V không hề biết việc này. Tờ giấy bán tài sản có chữ ký Nguyễn Thị Bé V là do bà V ký trước đây. Vì ông T không giao xe và giấy tờ xe như đã cam kết nên ông H đề nghị Tòa án buộc ông T phải giao xe và giấy tờ xe cho ông. Trường hợp ông T không giao xe thì đề nghị ông T trả lại cho ông số tiền 20.000.000 đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định ngừng phiên tòa và thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự nhưng bà Nguyễn Thị Bé V vẫn không đến Tòa án và không có lý do về việc vắng mặt trên.

Ngày 16/5/2018 Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Bé V ngoài trụ sở Tòa án. Bà V cung cấp như sau:

Bà Bé V là vợ của ông Nguyễn Văn H. Trước đây ông H có đưa cho bà một tờ đơn khởi kiện yêu cầu bà ký vào đơn. Sau này Tòa án gửi thông báo về nhà bà mới biết là ông Nguyễn Văn H khởi kiện ông Đoàn Văn T liên quan đến giấy bán tài sản ngày 23/4/2016 giữa bà và ông Đoàn Văn T. Cụ thể: Ngày 23/4/2016, ông T có mang một xe máy biển kiểm soát 43C1-42653 đến đề nghị bán cho bà với giá 20.000.000 đồng. Khi mua xe, hai bên có thỏa thuận trong vòng 30 ngày mà ông T mang 20.000.000 đồng đến mua lại xe thì bà V sẽ bán xe lại cho ông T. Nếu sau 30 ngày mà ông T không mua lại xe thì mang giấy tờ xe đến cho bà V làm thủ tục chuyển quyền sở hữu. Vào ngày 06/8/2016 ông Tuấn giao cho bà V 20.000.000 đồng để mua lại xe nên bà V đã đồng ý bán lại xe cho ông T. Bà V đã xác nhận tại mặt sau của tờ giấy bán tài sản ngày 23/4/2016 với nội dung “đã thanh toán xong ngày 6/8/2016” và ký ghi rõ họ tên. Vì vậy bà Vang xác nhận Giấy bán tài sản ngày 23/4/2016 không còn giá trị. Giao dịch mua bán xe này ông H có biết. Ông H cũng biết bà đã nhận số tiền 20.000.000 đồng do ông T giao nhưng ông H vẫn khởi kiện ông T, bà có nói mà ông H không nghe.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đoàn Văn T trình bày: Ngày 23.4.2016, ông T có vay của bà Nguyễn Thị Bé V số tiền 20.000.000 đồng nhưng

trên hình thức buôn bán xe máy biển số xe 43C1-42653. Theo Giấy bán tài sản thì 30 ngày sau ông T phải đem Giấy tờ xe đến cho bà V. Đến ngày 06.8.2016, ông T đã thanh toán xong số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị Bé V là 20.000.000 đồng, bà V đã ký xác nhận việc nhận ông T trả xong nợ vào mặt sau của Tờ giấy bán tài sản. Nay ông H và bà V khởi kiện đòi ông T phải giao xe và sang tên Giấy chứng nhận sở hữu xe mô tô cho bà V thì ông T không đồng ý. Vì ông T đã trả toàn bộ số tiền vay cho bà V. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Quyết định của bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé V đối với ông Đoàn Văn T.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với ông Đoàn Văn T.

2. Án phí DSST:

- Án phí DSST là 1.000.000 đồng ông Nguyễn Văn H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H, bà V đã nộp là 500.000 đồng tại biên lai thu số 9766 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền 500.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Kháng cáo:

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé V tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Bé V vắng mặt nên căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bà V.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào giấy bán tài sản lập ngày 23.4.2016, ông Đoàn Văn T bán cho bà Nguyễn Thị Bé V 01 xe máy biển kiểm soát 43C1- 42653 với giá 20.000.000 đồng. Hẹn 30 ngày sau đem giấy tờ xe đến cho bà V. Vì ông T không giao xe và giấy tờ như đã cam kết nên ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T phải giao xe và giấy tờ xe cho ông. Trường hợp ông T không giao xe thì đề nghị ông T trả lại cho ông H số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với ông Đoàn Văn T. Không đồng ý với quyết định này, ông Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo trình tự phúc thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

[3] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, HĐXX nhận định: Tại mặt sau của tờ giấy bán tài sản lập ngày 23.4.2016 do ông Đoàn Văn T cung cấp có dòng chữ: “đã thanh toán xong, ngày 6/8/2016, có chữ ký và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Bé V”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2018: Bà V xác nhận dòng chữ này do bà viết và ký sau khi ông T có giao lại cho bà 20.000.000 đồng vào ngày 06.8.2016 nên giấy mua bán xe máy biển số kiểm soát 43C1- 42653 giữa bà và ông T lập ngày 23.4.2016 không còn giá trị. Do vậy, việc giao dịch mua bán tài sản giữa bà V và ông T đã chấm dứt. Ông Nguyễn Văn H căn cứ giấy bán tài sản lập ngày 23.4.2016 giữa ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị Bé V khởi kiện, tại phiên tòa phúc thẩm ông không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh ông H có giao cho ông T 20.000.000 đồng cũng như giữa ông H và ông T có thực hiện giao dịch mua bán xe máy biển số kiểm soát 43C1-42653. Xét, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; Giữ nguyên án sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé V đối với ông Đoàn Văn T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” đối với ông Đoàn Văn T.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp 1.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H, bà V đã nộp là 500.000 đồng tại biên lai thu số 9766 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền 500.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0003433 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Hùng đã nộp đủ án phí DSPT.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tp. Đà Nẵng;
- Tòa sơ thẩm
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu HS.
- Dương sự;

Võ Thị Ngọc Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Dung

[5] Về phần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Bé Vang đối với ông Đoàn Văn Tuấn, lý do bà vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại hồ sơ thể hiện, bà Vang và ông Hùng cùng ký đơn khởi kiện yêu cầu cùng một nội dung. Và khi lấy lời khai, bà Vang khai rằng giao dịch giữa bà và ông Tuấn về việc mua bán tài sản đã hoàn thành, bà cũng nói ông Hùng đừng khởi kiện ông Tuấn nữa mà ông Hùng không nghe. Lẽ ra, Tòa sơ thẩm cần nhận định và làm rõ việc bà Vang còn yêu cầu khởi kiện ông Đoàn Văn Tuấn không?, trường hợp bà Vang không yêu cầu khởi kiện ông Tuấn thì thay đổi tư cách tham gia tố tụng trong vụ án của bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, phần đình chỉ này không có kháng cáo, Viện kiểm sát cũng không kháng nghị nên Tòa sơ thẩm cần rút kinh nghiệm .

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Anh

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Phi Yến
Ông Ngô Hà Nam

Vào lúc , ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 49/2017/TLPT – DS ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, do bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2017/DS-ST ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2017/QĐ-PT ngày 11/12/2017 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Minh Nhung, sinh năm: 1982; trú tại tổ 01, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hữu Tuấn, sinh năm: 1984; trú tại k81/91 Nguyễn Đình Tứ, tổ 08B, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Hữu Tuấn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, sau khi nghe đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã tiến hành thảo luận, nghị án như sau:

* Ý kiến của Thẩm phán Thái Thị Phi Yên:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Hữu Tuấn, HĐXX nhận định: Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu Tuấn thừa nhận ông Tuấn có viết giấy mượn tiền bà Nhung với số tiền 400.000.000 đồng như bà Nhung trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông Tuấn không vay 400.000.000đ như bà Nhung khởi kiện và cho rằng ông Nguyễn Hữu Tuấn là người đã có vợ nhưng giữa ông Tuấn và bà Nhung có quan hệ tình cảm với nhau, để đối phó với vợ ông Tuấn nên bà Nhung và ông Tuấn thống nhất để ông Tuấn viết một giấy mượn tiền 400.000.000 đồng. Việc viết giấy mượn số tiền 400.000.000 đồng này là nhằm để đối phó với vợ ông Tuấn và để thể hiện quan hệ giữa ông Tuấn bà Nhung là quan hệ làm ăn chứ không có quan hệ tình cảm với nhau. Lời trình bày của ông Tuấn không được bà Nhung thừa nhận. Trong khi đó, bà Nhung khẳng định ngoài khoản vay 400.000.000đ mà ông Tuấn đã viết giấy đúng vào ngày 10/ 12/ 2016 này thì ông Tuấn còn nợ của bà Nhung nhiều khoản nữa nhưng không viết giấy tờ nên mặc dù bà Nhung biết ông Tuấn đang ghi âm cuộc trao đổi giữa bà và ông Tuấn như nội dung ghi âm mà ông Tuấn cung cấp và bà vẫn nói để ông Tuấn viết giấy nhận nợ nhưng lần đó ông Tuấn vẫn không viết. Mặc khác, trong nội dung ghi âm do bà Nhung cung cấp và ông Tuấn vẫn thừa nhận thì có thể hiện việc bà Nhung yêu cầu ông Tuấn trả trước 250.000.000đ và ông Tuấn được ông Tuấn đồng ý. Hội đồng xét xử thấy việc cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy nợ viết ngày 10/12/2016, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhung, xử buộc ông Tuấn có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nhung số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Tuấn, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND TP Đà Nẵng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tuấn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Việc cấp sơ thẩm áp dụng pháp lệnh án phí lệ phí tòa án đã hết hiệu lực pháp luật để giải quyết vụ án là không chính xác, cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp. Vấn đề này cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;Quyết định:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 186, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tuấn; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Hữu

Tuần có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Minh Nhung số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nhung không phải chịu, hoàn trả cho bà Nhung số tiền tạm ứng 10.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004695 ngày 29 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

Án phí DSPT: ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 4981 ngày 06/9/2017 của Cục thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Ông Tuấn đã nộp đủ án phí DSPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Ý kiến của Thẩm phán Ngô Hà Nam: Thống nhất với ý kiến của Thẩm phán Yến.

* Ý kiến của ông Nguyễn Tấn Anh – Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Thống nhất với ý kiến của hai Thẩm phán.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%):

Quyết định: Áp dụng: Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 186, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên bố: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Tuấn.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Hữu Tuấn có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Minh Nhung số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nhung không phải chịu, hoàn trả cho bà Nhung số tiền tạm ứng 10.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004695 ngày 29 tháng 3 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

- Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu là 20.000.000(Hai mươi triệu đồng).

Án phí DSPT: ông Nguyễn Hữu Tuấn phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 4981 ngày 06/9/2017 của Cục thi hành án dân sự TP Đà Nẵng. Ông Tuấn đã nộp đủ án phí DSPT.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án và được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản lập xong cùng ngày, đã đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Hà Nam

Thái Thị Phi Yến

Nguyễn Tấn Anh